

Số: 16/2025/QĐCNTTLH

Cao Phong, ngày 26 tháng 05 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của:

- Người khởi kiện: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1978;
- Người bị kiện: Ông **Nguyễn Thế B**, sinh năm: 1981;
- Cư trú tại: Xóm Đồng Mới, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10 tháng 04 năm 2025 về việc yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị T.
- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 05 năm 2025 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Thế B.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyên sAg Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 05 năm 2025 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 09 tháng 05 năm 2025 cụ thể như sau:

1.1. Về quA hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Nguyễn Thế B thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

- *Về con chung:* Bà T và ông B có 02 (Hai) con chung tên là Nguyễn Phương A, sinh ngày 21/07/2008, giới tính: Nữ và Nguyễn Nhi A, sinh ngày 31/10/2015, giới tính: Nữ. Hiện sức khỏe các con bình thường không có nhược điểm về tâm thần thể chất.

- Về nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận giao 02 (Hai) cháu Nguyễn Phương A và Nguyễn Nhi A cho bà Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 (Hai) cháu đủ 18 (Mười tám) tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền: 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/01 tháng/01 con, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con chung là: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/01 tháng/02 con, kể từ tháng 06/2025 cho đến khi con chung (Cháu Phương A, cháu A) đủ 18 (Mười tám) tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về các vấn đề khác: Không có.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- Viện kiểm sát nhân huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- UBND xã Nam Phong;
- Lưu Tòa án.

THẨM PHÁN

Trần Đức Thịnh